TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 179/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 27 - 6 - 2023.
"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mạc Minh Quang.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đức Hạnh và bà Dương Thị Kim Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Ngọc Quỳnh - Thư ký TAND tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Quyết - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở TAND tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 139/2023/TLST-HNGĐ ngày 11/4/2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 174/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 26/5/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 138/2023/QĐST-HNGĐ ngày 12/6/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Phan Đình Th**, sinh năm 1983, địa chỉ: Thôn L K, xã L H, huyện T M, tỉnh Hải Dương.

- Bị đơn: Chị **Đỗ Thị M**, sinh 1985, địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn L K, xã L H, huyện T M, tỉnh Hải Dương; Nơi cư trú hiện nay: Đài Loan.

- Người làm chứng: Anh **Đỗ Văn H,** sinh năm 1987 (em trai chị M)

Địa chỉ: Thôn A N, xã T C, huyện T M, tỉnh Hải Dương.

Anh Th, chị M và anh H đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản lấy lời khai anh Phan Đình Th trình bày: Anh và chị Đỗ Thị M tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã L H ngày 26/02/2007 và được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương.

Sau ngày cưới vợ chồng tổ chức sống chung được hơn 05 năm thì chị M đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Thời gian đầu, vợ chồng vẫn thường xuyên liên lạc, quan tâm đến nhau. Đến năm 2016, chị M có về nước thăm chơi khoảng 01 tháng, sau đó lại tiếp tục sang Đài Loan lao động từ đó đến nay chưa về Việt Nam. Từ đó anh và chị M đã nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm về cuộc sống, không có tiếng nói chung do nghi ngờ sự chung thủy, mỗi

lần gọi điện thoại thì vợ chồng lại cãi nhau, không muốn nói chuyện, chị M cũng không muốn quay về Việt Nam chung sống với anh nữa. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị M để sớm ổn định cuộc sống riêng.

Về con chung: Anh xác định vợ chồng có 02 con chung là Phan Hiền M1, sinh ngày 25/10/2007 và Phan Đình Trấn H1, sinh ngày 02/01/2013, hiện tại đang ở cùng anh. Ly hôn, nguyện vọng của anh tiếp tục được nuôi dưỡng con chung, tự nguyện không yêu cầu chị M đóng góp tiền nuôi con chung và cam kết có đủ khả năng, điều kiện chăm sóc con chung cho đến khi các con trưởng thành.

Về tài sản chung, vay nợ: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh không cung cấp được địa chỉ cụ thể của chị M tại Đài Loan vì chị M không cho anh biết địa chỉ.

- *Anh Đỗ Văn H (là em trai chị M) trình bày*: Anh Th và chị M tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn và được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương năm vào năm 2007. Thời gian đầu vợ chồng sống vui vẻ, hòa thuận, đến năm 2014 chị M đi lao động tại Đài Loan. Vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn căng thẳng từ thời điểm năm 2016 khi chị M về nước chơi xong lại tiếp tiếp tục đi Đài Loan. Sau khi nhận thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản của Tòa án, anh đã thông báo qua điện thoại cho chị M biết về việc anh Th làm đơn xin ly hôn và yêu cầu giải quyết việc nuôi dưỡng con chung. Chị M không cung cấp cho gia đình biết địa chỉ cụ thể, nay chưa thể về Việt Nam để giải quyết việc ly hôn được và không trình bày ý kiến bằng văn bản gửi về cho Tòa án. Tuy nhiên, qua điện thoại chị M có quan điểm xác định mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn, sống ly thân nhiều năm nay nên tình cảm vợ chồng không còn, không muốn quay về chung sống với anh Th nữa nên nhất trí ly hôn và đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt; chị M cũng đồng ý để anh Th được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu giải quyết về tài sản chung vợ chồng.

Tại công văn số 9880/QLXNC-P5 ngày 26/4/2023 của Cục quản lý xuất nhập cảnh Bộ Công an xác định chị Đỗ Thị M, sinh ngày 15/4/1985, có thông tin xuất xuất cảnh ngày 18/06/2014 qua cửa khẩu Nội Bài bằng hộ chiếu số B9259410, hiện chưa có thông tin nhập cảnh.

Đại diện VKSND tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm xác định việc chấp hành tố tụng của những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đảm bảo quy định của pháp luật. Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Phan Đình Th được ly hôn chị Đỗ Thị M; Về con chung: Giao anh Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung Phan Hiền My, sinh ngày 25/10/2007 và Phan Đình Trấn Hưng, sinh ngày 02/01/2013 cho đến khi các con trưởng thành; chấp nhận sự tự nguyện của anh Th không yêu cầu chị M cấp dưỡng tiền nuôi các con chung; Về tài sản chung, vay nợ: Các đương sự không yêu cầu nên không phải giải quyết; Về án phí: Anh Th phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Phan Đình Th vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đề nghị giải quyết vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Th.

Chị Đỗ Thị M là bị đơn trong vụ án là người Việt Nam đang lao động tại Đài Loan nhưng không rõ địa chỉ, tuy nhiên chị M vẫn thường xuyên liên lạc với thân nhân ở trong nước. Tòa án đã yêu cầu chị M và anh H (em trai chị M) cung cấp địa chỉ của chị M nhưng không cung cấp được nên Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục chung. Tòa án đã tống đạt, niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng chị M vẫn vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị M.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Th, chị M tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã L H, huyện T M, tỉnh Hải Dương ngày 26/02/2007. Do đó hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Sau khi kết hôn, anh chị chung sống sống vui vẻ, hòa thuận được khoảng hơn 05 năm thì mỗi người sống một nơi do chị M đi lao động tại Đài Loan cho đến năm 2016 thì về nước chơi một tháng và tiếp tục đi lao động tại Đài Loan cho đến nay chưa về nước. Từ đó đến nay anh chị phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm về cuộc sống, không có tiếng nói chung do nghi ngờ sự chung thủy, mỗi lần gọi điện thoại về vợ chồng lại cãi nhau, không muốn nói chuyện, chị M cũng không muốn quay về Việt Nam chung sống với anh Th nữa. Nay anh Th xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn chị M. Thông qua gia đình, chị M cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, thường xuyên sống xa nhau nên không có sự tin tưởng trong cuộc sống, không muốn quay về chung sống với anh Th nên nhất trí ly hôn. Xét mâu thuẫn của anh chị đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cần xử cho anh Th được ly hôn chị M là phù hợp.

[3] Về con chung: Anh Th, chị M có 02 con chung là Phan Hiền M1, sinh ngày 25/10/2007 và Phan Đình Trấn H1, sinh ngày 02/01/2013, hiện đang do anh Th chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Th có nguyện vọng xin được nuôi con và tự nguyện không yêu cầu chị M đóng góp tiền nuôi con chung, cháu Hiền M1 và cháu Trấn H1 mong muốn được ở với bố, chị M cũng nhất trí để anh Th trực tiếp tục được nuôi dưỡng con chung sau khi vợ chồng ly hôn. Xét thấy chị M hiện đang ở nước ngoài không có điều kiện trực tiếp nuôi dưỡng con chung, hiện tại con chung đang do anh Th trực tiếp chăm sóc đảm bảo về mọi mặt cho con nên cần chấp nhận sự thỏa thuận của hai bên, giao cháu Phan Hiền M1 và cháu Phan Đình Trấn H1 cho anh Th trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi, trưởng thành; chấp nhận sự tự nguyện của anh Th không yêu cầu chị M cấp dưỡng tiền nuôi con chung là phù hợp Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung, vay nợ: anh Th không yêu cầu Tòa án giải quyết nên

không xem xét.

[5] Về án phí: Anh Th là nguyên đơn nên phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Phan Đình Th được ly hôn chị Đỗ Thị M.

2. Về con chung: Giao anh Phan Đình Th trực tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng 02 con chung Phan Hiền M1, sinh ngày 25/10/2007 và Phan Đình Trấn H1, sinh ngày 02/01/2013 cho đến khi con đủ 18 tuổi, trưởng thành; chấp nhận sự tự nguyện của anh Th không yêu cầu chị M cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Chị M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, vay nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Anh Phan Đình Th phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương theo biên lai thu số AA/2021/0004447 ngày 11/4/2023. Anh Th đã nộp đủ án phí sơ thẩm ly hôn.

5. Về quyền kháng cáo: Anh Th vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết. Chị M đang ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã L H, huyện T M (*để ghi vào sổ hộ tịch*);
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Mạc Minh Quang